

Chính sách phát triển làng nghề của một số quốc gia ở châu Á và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

- **Huỳnh Đức Thiện**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Nhiều quốc gia ở châu Á như: Trung Quốc và Nhật Bản đã thực hiện thành công chính sách phát triển làng nghề. Tiêu biểu là chính sách “Mỗi làng một nghề” được Nhật Bản thực hiện, sau đó lan rộng sang Thái Lan và nhiều nước khác. Bài học kinh nghiệm phát triển làng nghề là kết hợp chính sách hỗ trợ của Chính phủ với nội lực của làng nghề. Chính phủ cần

có chính sách như: đào tạo nghề, tín dụng, xúc tiến thương mại, khuyến khích làng nghề có năng lực xuất khẩu và nhân rộng làng nghề hiệu quả. Bên cạnh đó, mỗi cơ sở sản xuất ở làng nghề phải nỗ lực phát triển năng lực thiết kế, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực quản lý, có kế hoạch phát triển kinh doanh và liên kết với nhau qua Hiệp hội làng nghề.

Từ khóa: làng nghề, chính sách phát triển làng nghề, làng nghề ở Nhật Bản, làng nghề ở Trung Quốc, làng nghề ở Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Từ sau khi thực hiện Đổi mới (1986) đất nước, làng nghề của Việt Nam cũng đã có sự chuyển biến tích cực. Nhiều nghề, làng nghề được khôi phục và phát triển mạnh như: nghề gốm sứ, sơn mài, khảm trai, mây tre đan, thêu ren, dệt lụa... và các ngành nghề khác như: bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm, nuôi trồng sinh vật cảnh, dệt may... đã phát triển nhanh, đáp ứng nhu cầu thị trường. Sự biến đổi đó đã góp phần đem lại bộ mặt mới cho khu vực nông thôn, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá nông nghiệp nông thôn của đất nước, đời sống của người lao động được nâng cao, tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập cho người lao động, giảm sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, giữ vững trật tự an ninh xã hội, giảm tỷ lệ hộ nghèo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, hạn chế di dân tự do và bảo tồn các giá trị văn hoá dân tộc.

Tuy nhiên, phát triển nghề, làng nghề vẫn mang tính tự phát. Nhiều làng nghề không đủ vốn để đầu tư đổi mới kỹ thuật, mở rộng quy mô sản xuất, sử dụng công nghệ, thiết bị lạc hậu, thiếu nguyên liệu tại chỗ, chưa có chợ đầu mối cung cấp nguyên liệu... Thị trường tiêu thụ sản phẩm chưa được mở rộng, một mặt do các sản phẩm thủ công còn đơn điệu về mẫu mã, chất lượng chưa cao, hầu hết sản phẩm chưa có thương hiệu nhãn mác hàng hoá nên sức cạnh tranh kém và thị trường xuất khẩu đang bị thu hẹp, chưa khai thác được thế mạnh của thị trường trong nước, mặt khác do thiếu thông tin thị trường, thiếu các trung tâm trung bày giới thiệu sản phẩm. Việc giữ gìn, tôn vinh và tuyên truyền bản sắc văn hóa dân tộc kết tinh trong các sản phẩm truyền thống chưa được coi trọng. Môi trường bị ô nhiễm, cơ sở hạ tầng và dịch vụ phục vụ sản xuất không đồng bộ.

Nguyên nhân cơ bản của các tồn tại trên một mặt do tác động của kinh tế thị trường, mặt khác do về mặt Nhà nước vẫn chưa có chương trình, kế hoạch cụ thể về việc bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề của cả nước.

Để nghề và làng nghề phát huy thế mạnh, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội, mang những sản phẩm có nét văn hoá độc đáo riêng của từng địa phương, sử dụng nguồn lao động tại chỗ, gắn với phát triển du lịch, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới cần thiết phải có sự học hỏi kinh nghiệm từ những quốc gia làm tốt vấn đề này. Chính vì vậy, thực hiện bài viết nghiên cứu “*Tìm hiểu chính sách phát triển làng nghề của một số quốc gia ở châu Á và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*” là một việc làm cần thiết và có ý nghĩa. Mong muốn từ việc học hỏi kinh nghiệm của quốc tế sẽ góp phần thiết thực vào giữ gìn được tinh hoa văn hóa và tâm hồn Việt ở các làng nghề truyền thống, đồng thời là cơ sở giúp cho các cấp, các ngành, các địa phương có thêm những kinh nghiệm trong đề ra giải pháp, hành động cụ thể, ban hành các cơ chế chính sách phù hợp khuyến khích nghề, làng nghề phát triển bền vững, góp phần phát triển kinh tế xã hội trong thời kỳ đổi mới và hội nhập.

2. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Nhật Bản là quốc gia có nền công nghiệp tiên tiến nhưng vẫn chú trọng phát triển các ngành nghề truyền thống. Ở Nhật Bản, bên cạnh các ngành công nghiệp hiện đại với quy mô lớn, các cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn và các hộ gia đình làm nghề thủ công vẫn được quan tâm phát triển. Nhiều làng nghề ở Nhật Bản với các nghề thủ công truyền thống đa dạng vẫn tồn tại và hoạt động hiệu quả đến nay. Đầu thế kỷ XXI, Nhật Bản có 867 nghề thủ công truyền thống vẫn còn hoạt động¹.

Các nghề thủ công tạo việc làm cho thợ thủ công và nông dân lúc nông nhàn, đồng thời sản xuất một khối lượng hàng tiêu dùng và tư liệu sản xuất đáng kể như: đan lát, dệt chiếu, dệt lụa, may áo kimono, rèn kiếm, công cụ cầm tay, chế biến lương thực, thực phẩm, các nghề thủ công mỹ nghệ, gốm sứ, sơn mài. Các làng nghề đóng góp tích cực đến sự phát triển kinh tế, xã hội ở nông thôn.



Hình 1. Các sản phẩm thủ công rất phong phú của làng nghề Oita - Nhật Bản²

Năm 2003, các nghề thủ công và các làng nghề đã đạt giá trị sản lượng tới 8,1 tỷ USD, đồng thời thu nhập từ các nghề này được tăng lên³. Vì vậy, Nhật Bản rất chú trọng phát triển làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa ở nông thôn. Nhiều quy định của pháp luật được ban hành để khôi phục và phát triển làng nghề truyền thống, tiêu biểu là “Luật phát triển nghề thủ công truyền thống” do Nghị viện ban hành năm 1974. Bên cạnh đó, để khôi phục và phát triển làng nghề truyền thống, Nhật Bản còn thực hiện các chính sách cụ thể sau:

- Khôi phục và phát triển nghề truyền thống: Chính phủ yêu cầu các tổ chức sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống như: liên hiệp hợp tác xã, tổ chức công thương phải lập kế hoạch khôi phục và phát triển nghề thủ công truyền thống. Kế

²Nguồn:

<http://baodientu.chinhphu.vn/Utilities/PrintView.aspx?distributio n id=54358>

³ Trần Minh Yến (2004), *Làng nghề truyền thống trong quá trình CNH-HĐH*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, trang 86.

¹ Mai Thế Hân - Hoàng Ngọc Hòa - Vũ Văn Phúc (2003), *Phát triển làng nghề truyền thống trong quá trình CNH -HĐH*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 60.

hoạch gồm các nội dung như đào tạo tay nghề, nghiên cứu nguyên liệu và đảm bảo nguyên liệu cho sản xuất, cải tiến kỹ thuật và nâng cao chất lượng sản phẩm, cải thiện môi trường sản xuất, khai thác nhu cầu, cung cấp thông tin cho khách hàng. Nhà nước và Chính quyền địa phương dựa trên kế hoạch này để hỗ trợ về vốn và đào tạo nghề⁴.

- Phong trào mỗi làng một sản phẩm: Phong trào thúc đẩy mỗi địa hương có một nghề thủ công. Phong trào “Mỗi làng một sản phẩm” với ý tưởng khai thác nguồn nhân lực địa phương để khôi phục các ngành nghề thủ công truyền thống được phát động từ quận Oita vào năm 1979. Phong trào đề ra 3 phương châm gồm: sản xuất sản phẩm phù hợp với thị trường, khuyến khích người dân thực hiện các dự án phù hợp với năng lực và chú trọng đào tạo kỹ năng chế tác và quản lý sản xuất cho người dân. Từ thành công của quận Oita, cả nước Nhật đã có 20 quận hưởng ứng sau 5 năm phát động với các dự án tương tự như: “Sản phẩm của làng” hay “Chương trình phát triển thành phố quê hương”. Số lượng sản phẩm bán ra khi phong trào bắt đầu là 143 loại với thu nhập là 35,9 tỷ yên, đã tăng lên 336 loại với thu nhập 141 tỷ yên vào năm 2001. Nhiều làng nghề bị mai một được khôi phục, có 200 nghề mới được tạo dựng⁵. Phong trào cũng hấp dẫn nhiều nước học tập như Thượng Hải (Trung Quốc), Đông Java (Indonesia), Los Angeles (Mỹ).

- Hỗ trợ vốn cho làng nghề truyền thống: Chính phủ cho thành lập hệ thống bảo lãnh và bảo hiểm tín dụng để hỗ trợ các làng nghề truyền thống vay vốn không cần tài sản thế chấp. Các doanh nghiệp của làng nghề có thể vay vốn để sản xuất kinh doanh hay mua sắm thiết bị mới trong kỳ hạn 3 đến 5 năm với lãi suất trung bình là 9,3%/năm⁶.

⁴ Trần Minh Yến (2004), *Làng nghề truyền thống trong quá trình CNH- HĐH*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, trang 89.

⁵ Đào Duy Huân - chủ nhiệm đề tài (2005), *Nghiên cứu đề xuất giải pháp để phát triển làng nghề phi nông nghiệp ở TP.HCM*, Đề tài khoa học mã số: CS2005-03, TP.HCM, trang 33.

⁶ Trần Minh Yến (2004), *Làng nghề truyền thống trong quá trình CNH- HĐH*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, trang 88.

- Thành lập Hiệp hội nghề truyền thống: Hiệp hội nghề truyền thống được thành lập dựa trên “Luật nghề truyền thống” từ năm 1975. Chức năng chủ yếu của Hiệp hội là khôi phục và bảo tồn các ngành nghề thủ công truyền thống như: phát triển nguồn nhân lực, xúc tiến thương mại và tuyên truyền cho nghề thủ công truyền thống. Hiệp hội đã nhận được sự hỗ trợ tích cực của nhà nước và các đoàn thể ở các địa phương.

- Phát triển nguồn nhân lực cho làng nghề: Chính sách này do Hiệp hội nghề truyền thống của Nhật Bản thực hiện. Hiệp hội đã triển khai chính sách thành nhiều biện pháp cụ thể như:

+ Công nhận danh hiệu “Nghệ nhân công nghệ truyền thống” đối với những người giỏi nghề để khuyến khích họ say mê và tâm huyết với nghề.

+ Đào tạo nghề cho lớp kế thừa: Sau 30 năm thực hiện luật nghề truyền thống, các nghề thủ công truyền thống đều có dự án đào tạo nghề. Những người giỏi nghề hưởng lương từ Hiệp hội nghề truyền thống sẽ dạy nghề cho thế hệ kế tiếp và thanh niên học nghề truyền thống được cung cấp học bổng.

+ Biểu dương, thưởng tiền cho những người có công trong việc duy trì và phát triển kỹ thuật truyền thống, dạy nghề cho những người kế thừa hay góp phần bảo tồn làng nghề trong thời gian dài.

+ Khuyến khích nâng cao kỹ thuật sản xuất nghề truyền thống, trao tiền khuyến khích 300.000 yên/năm cho người mới tham gia sản xuất nghề truyền thống để thúc đẩy họ nâng cao kỹ thuật sản xuất.

+ Hợp tác với các công ty bảo hiểm thực hiện phúc lợi xã hội cho các thợ thủ công, các nghệ nhân làm việc trong điều kiện khắc nghiệt và trả trợ cấp cho người tham gia sản xuất nghề truyền thống khi nghỉ việc.

- Đẩy mạnh khai thác nhu cầu: Chính sách này do Hiệp hội nghề truyền thống thực hiện nhằm đẩy mạnh khai thác nhu cầu và phổ biến các ưu điểm

của hàng thủ công truyền thống tới người tiêu dùng bằng các hoạt động:

+ Chỉ đạo chấn hưng nơi sản xuất và lập kế hoạch khôi phục và phát triển nghề truyền thống. Thành lập các tổ chức hỗ trợ nghề truyền thống như: Hội nghệ sĩ công nghệ truyền thống Nhật Bản, Hội hiệp thương tổ hợp hàng công nghệ gốm sứ truyền thống.

+ Cấp giấy chứng nhận hàng công nghệ truyền thống cho các sản phẩm truyền thống đạt tiêu chuẩn kiểm tra về kỹ thuật, công nghệ, nguyên vật liệu. Giấy chứng nhận tạo cho người tiêu dùng yên tâm khi mua hàng công nghệ truyền thống.

+ Giới thiệu nghề truyền thống thông qua báo chí, sách vở, áp phích để thu hút sự quan tâm của người dân về ngành nghề và sản phẩm truyền thống. Ngoài ra, tổ chức triển lãm nghề truyền thống ở các nước để giới thiệu và quảng cáo làng nghề truyền thống của Nhật Bản. Năm 1992, đã có 2.640 lượt người của 62 nước, trong đó có Trung Quốc, Malaysia, Anh và Pháp tới thăm các làng nghề truyền thống của Nhật Bản⁷.

+ Tổ chức các hội thi, triển lãm, nhằm khai thác nhu cầu tiềm năng của hàng công nghệ truyền thống. Tổ chức “Tháng công nghệ truyền thống” vào tháng 11 hàng năm. Nhân dịp này tiến hành triển lãm và trưng bày sản phẩm, mở các cuộc thi tài năng, các chiến dịch quảng cáo về nghề truyền thống

- Thành lập trung tâm nghề thủ công quốc gia: Trung tâm thực hiện thông tin về nghề thủ công truyền thống. Các hoạt động của trung tâm là tổ chức triển lãm, cung cấp tài liệu, sách, báo, phim về nghề truyền thống. Ngoài ra, trung tâm còn tổ chức giao lưu giữa người sản xuất và người tiêu dùng, giúp người tiêu dùng tìm hiểu về nghề truyền thống và người sản xuất nắm bắt được nhu cầu của người

tiêu dùng. Trung tâm được thành lập tại Tokyo năm 1979, sau đó chuyển về Ikebukuro năm 2001.

- Xây dựng phim giới thiệu công nghệ truyền thống: quay phim về kỹ thuật chế tạo hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống để truyền lại cho thế hệ sau. Bên cạnh đó, sử dụng phim giới thiệu cho người dân những nét đặc sắc của các mặt hàng thủ công truyền thống, không chỉ có ý nghĩa kinh tế mà còn mang ý nghĩa văn hóa và là tài sản quý của dân tộc.

Tổng kinh phí hỗ trợ phát triển nghề thủ công truyền thống của Nhật Bản là 1 tỷ yên, trong đó hỗ trợ cho sản xuất khoảng 200 triệu yên và hỗ trợ phát triển cho các cơ sở nghề thủ công truyền thống là 800 triệu yên⁸.

3. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Trung Quốc có nhiều nghề truyền thống lâu đời và nổi tiếng như: nghề dệt vải, dệt tơ lụa, nghề gốm, nghề giấy và nghề đúc kim loại. Mặc dù trải qua nhiều thời kỳ lịch sử nhưng nhiều làng nghề truyền thống ở Trung Quốc vẫn tồn tại và phát triển đến nay. Đầu thế kỷ XX, Trung Quốc có khoảng 10 triệu thợ thủ công làm việc ở các hộ gia đình, trong phường nghề và làng nghề. Đến năm 1978 cả nước có 1,5 triệu doanh nghiệp phi nông nghiệp, sử dụng 28 triệu lao động, trong đó 2/3 sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp. Công nghiệp nông thôn chiếm 30% giá trị sản xuất của các công xã nhưng hiệu quả kinh tế xã hội rất thấp⁹.

Năm 1978, Trung Quốc cũng bắt đầu thực hiện chính sách cải cách và mở cửa, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa nông thôn. Do đó, nghề thủ công và làng nghề thủ công truyền thống được quan tâm phát triển thông qua các xí nghiệp hương trấn. Xí nghiệp hương trấn là tên gọi của các xí nghiệp công nghiệp, thương nghiệp và xây dựng hoạt động ở nông thôn. Đến nay, các xí nghiệp hương trấn đã phát triển và hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác nhau

⁷ Mai Thế Hôn - Hoàng Ngọc Hòa - Vũ Văn Phúc (2003), *Phát triển làng nghề truyền thống trong quá trình CNH - HĐH*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 60.

⁸ Đào Duy Huân - chủ nhiệm đề tài (2005), *Nghiên cứu đề xuất giải pháp để phát triển làng nghề phi nông nghiệp ở TP.HCM*, Đề tài khoa học mã số: CS2005-03, TP.HCM, trang 30.

⁹ Trần Minh Yến (2004), *Làng nghề truyền thống trong quá trình CNH - HĐH*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, trang 77.

như chế biến nông sản, công nghiệp và thủ công nghiệp, các nghề thủ công truyền thống, giao thông vận tải và dịch vụ thương nghiệp.



Hình 2. Làng nghề làm hương truyền thống nổi tiếng Xinchang (Thành Đô, Trung Quốc)¹⁰

Xí nghiệp hương trầu có vai trò quan trọng đối với thúc đẩy cải cách kinh tế, đặc biệt là quá trình công nghiệp hóa ở nông thôn, làm chuyển biến đời sống nông thôn. Các xí nghiệp hương trầu phát triển mạnh mẽ và linh hoạt góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống của dân cư và thúc đẩy tiến bộ xã hội ở nông thôn. Xí nghiệp hương trầu thực hiện chủ trương “Ly nông bất ly hương, nhập xưởng bất nhập thành” thu hút hơn 100 triệu lao động nông nghiệp chuyển sang công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ tại các xưởng sản xuất ở ngay làng xã với nhiều hình thức như: cá thể, tư nhân, hợp tác xã¹¹. Những năm 80, các xí nghiệp cá thể và làng nghề phát triển nhanh, đóng góp 68% giá trị sản lượng công nghiệp nông thôn và trong số 32% sản lượng công nghiệp nông thôn do xí nghiệp cá thể tạo ra có phần đóng góp đáng kể từ làng nghề¹². Để đạt những kết quả này, Trung Quốc đã ban hành và thực hiện nhiều chính sách để phát triển ngành nghề truyền thống.

¹⁰ Nguồn: <http://kenh14.vn/the-gioi/can-canh-lang-lam-huong-khong-lo-dip-tet-o-trung-quoc-2015021202501838.chn>

¹¹ Trần Minh Yên (2004), *Làng nghề truyền thống trong quá trình CNH- HĐH*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, trang 78.

¹² Mai Thế Hân - Hoàng Ngọc Hòa - Vũ Văn Phúc (2003), *Phát triển làng nghề truyền thống trong quá trình CNH -HĐH*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 64.

Những chính sách mà Trung Quốc thực hiện bao gồm:

- Chính sách thuế: Chính phủ quy định chính sách thuế khác nhau cho các vùng và ngành nghề, ưu tiên các xí nghiệp hương trầu ở những vùng khó khăn và biên giới. Chính phủ còn miễn tất cả các loại thuế cho xí nghiệp hương trầu trong 3 năm khi mới thành lập. Khi xí nghiệp hương trầu định hình và phát triển tương đối ổn định, Chính phủ thực hiện chính sách thuế đồng nhất, bãi bỏ ưu đãi nhưng vẫn dành sự ưu tiên cho những vùng khó khăn - Chính sách cho vay vốn: Chính phủ cung cấp tín dụng cho xí nghiệp hương trầu trong suốt những năm 80, một số ngân hàng lớn đã tham gia cho các xí nghiệp hương trầu vay vốn. Ngân hàng nông nghiệp Trung Quốc và hợp tác xã tín dụng nông thôn giữ vai trò quan trọng trong thị trường vốn chính thức ở nông thôn. Tổng số tiền cho vay của 2 tổ chức này tăng hơn 10 lần trong thời kỳ 1978-1990¹³.

- Chính sách xuất khẩu: Nhà nước tạo điều kiện cho xí nghiệp hương trầu đẩy mạnh xuất khẩu. Từ khi Trung Quốc thực hiện cải cách và mở cửa, nhiều xí nghiệp hương trầu tham gia xuất khẩu và phát triển nhanh nhờ xuất khẩu. Từ năm 1990 - 1993, tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu của các xí nghiệp hương trầu tăng từ 48,6 tỷ nhân dân tệ lên 235 tỷ nhân dân tệ, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 69%, tỷ trọng xuất khẩu của xí nghiệp hương trầu trong tổng kim ngạch xuất khẩu năm 1990 là 15,5%, năm 1993 là 41,5%, năm 1997 là 45,8%. Năm 1996 có khoảng 130.000 trong số 23,6 triệu xí nghiệp nông thôn tham gia xuất khẩu. Trong đó, riêng mặt hàng trầm đã chiếm 75% số lượng trầm ở thị trường Nhật¹⁴.

- Chính sách kích cầu: Chính phủ thực hiện chính sách kích cầu mạnh ở khu vực nông thôn để tạo thị trường đầu ra cho xí nghiệp hương trầu.

¹³ Trần Minh Yên (2004), *Làng nghề truyền thống trong quá trình CNH- HĐH*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, trang 80.

¹⁴ Trần Minh Yên (2004), *Làng nghề truyền thống trong quá trình CNH- HĐH*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, trang 80.

Chính sách cải cách của Chính phủ đã làm nâng cao thu nhập cho người nông dân. Khi thu nhập của nông dân tăng, thì nhu cầu tiêu dùng cũng tăng, tạo cơ hội cho các xí nghiệp hương trấn và ngành nghề truyền thống phát triển.

- Chính sách bảo hộ hàng nội địa: Chính phủ hạn chế nhập khẩu những mặt hàng trong nước sản xuất, nhất là những mặt hàng tiêu dùng cho nông dân. Vì vậy, xí nghiệp hương trấn có điều kiện khai thác và tạo lập thị trường mới ở các địa phương có nhu cầu tiêu dùng tăng, đồng thời vẫn ổn định được thị trường nội địa.

- Hạn chế việc di chuyển lao động: Chính phủ thực hiện quản lý hộ khẩu chặt chẽ ở các thành phố nhằm hạn chế việc di chuyển lao động giữa các vùng và từ nông thôn ra thành phố. Vì vậy, nông dân cố gắng lập nghiệp ở nông thôn bởi việc di cư vào các thành phố tìm việc làm gặp khó khăn.

- Đổi mới công nghệ và áp dụng kỹ thuật tiên tiến: Quá trình đổi mới công nghệ ban đầu do xí nghiệp hương trấn thực hiện để tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng yêu cầu cạnh tranh. Đầu những năm 90 của thế kỷ 19, các xí nghiệp hương trấn có nhiều điểm yếu như kỹ thuật thủ công và lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ và phân tán, năng suất thấp, thiếu nguyên liệu, chất lượng sản phẩm kém đã không đáp ứng được yêu cầu của thị trường. Trước tình hình này, Chính phủ đã đưa ra chương trình chuyển giao công nghệ và khoa học tới nông thôn.

4. Bài học kinh nghiệm phát triển làng nghề cho Việt Nam

Kinh nghiệm phát triển làng nghề của các nước ở châu Á, điển hình như: Nhật Bản, Trung Quốc và kinh nghiệm phát triển làng nghề gồm Bát Tràng, gốm Phù Lãng, lụa Vạn Phúc, gỗ Đồng Kỵ, rèn sắt Đa Hội... ở trong nước cho thấy phát triển làng nghề ở Việt Nam cần kết hợp giữa chính sách hỗ trợ của Chính phủ với nỗ lực của các cơ sở sản xuất ở làng nghề. Chính phủ đóng vai trò quản lý và

khuyến khích làng nghề phát triển thông qua các chính sách và hoạt động hỗ trợ như sau:

- Thành lập cơ quan quản lý làng nghề và hỗ trợ làng nghề phát triển.

- Hỗ trợ thành lập Hiệp hội làng nghề quốc gia.

- Thực hiện chương trình đào tạo nghề và bảo tồn nghề truyền thống.

- Thực hiện chính sách mỗi làng một nghề và nhân rộng làng nghề có thế mạnh.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ thuế, tín dụng, đổi mới công nghệ và xúc tiến thương mại cho làng nghề.

- Phát triển các ngành nghề hỗ trợ cho làng nghề phát triển, kết hợp phát triển làng nghề với du lịch.

- Kích cầu, khuyến khích tiêu thụ sản phẩm làng nghề.

Đối với làng nghề, thực tế phát triển làng nghề những năm qua đã chứng minh các cơ sở sản xuất quan tâm đến sáng tạo mẫu mã mới, cải tiến công nghệ, tăng chất lượng sản phẩm và có tư duy đổi mới quản lý theo hướng đáp ứng nhu cầu khách hàng đã phát triển nhanh hơn cơ sở sản xuất khác ở làng nghề. Vì vậy, mỗi cơ sở sản xuất ở làng nghề cần phải thay đổi tư duy và có ý thức vươn lên để phát triển kinh doanh, cụ thể là:

- Quan tâm đến kế hoạch phát triển kinh doanh, có khát vọng làm giàu và nỗ lực phát triển cơ sở sản xuất.

- Trang bị kiến thức kinh doanh, nhất là kiến thức về sản xuất và marketing.

- Chú trọng ứng dụng công nghệ tùy theo đặc điểm của ngành nghề và năng lực của cơ sở sản xuất.

- Đầu tư cải tiến khâu thiết kế mẫu mã và chất lượng sản phẩm.

- Cạnh tranh tích cực và liên kết với nhau qua Hiệp hội làng nghề để hợp tác kinh doanh.

5. Kết luận

Kinh nghiệm phát triển làng nghề của những quốc gia châu Á cho thấy làng nghề cũng là một loại hình sản xuất quan trọng ở những nước có nền

công nghiệp phát triển như Nhật Bản. Những quốc gia ở châu Á rất chú trọng phát triển các làng nghề để thực hiện các mục tiêu như tạo việc làm cho người lao động, duy trì ngành nghề truyền thống, bảo tồn văn hóa, phát triển du lịch và đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm làng nghề. Kinh nghiệm phát triển làng nghề ở những quốc gia châu Á là Chính phủ và các làng nghề cùng tham gia bảo tồn và phát triển các làng nghề. Những chính sách chủ yếu mà

những quốc gia này đã áp dụng để bảo tồn và phát triển các làng nghề gồm đào tạo nghề cho người lao động, có chính sách đãi ngộ nghề nhân và thợ giỏi, cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, phát triển cơ sở hạ tầng của làng nghề, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, phát triển làng nghề hướng về xuất khẩu và gắn với du lịch, đặc biệt là thực hiện chính sách “Mỗi làng một nghề” của Nhật Bản.

The policies on developing traditional craft villages in some Asian countries and lessons for Vietnam

- **Huynh Duc Thien**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

The paper researches the policies of developing traditional craft villages in some Asian countries, especially Japan and China. Recently, Japan and China have been the two nations which have successfully adopted the policies on developing traditional craft villages. Taking Japan as an example, the policy named “each craft village a career” has been very successfully used and then, it spread to

Thailand and other countries in Southeast Asia. For China, the government's policies focused on exports and demand stimulus. From the research, we will learn some experimental lessons to develop craft villages in Viet Nam, particularly the combination of the government's aid policies and the potential of the craft villages.

Keywords: *craft villages, policies on developing traditional craft villages, craft villages in Japan, craft villages in China, craft villages in Viet Nam*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phạm Văn Đình (1998), *Phát triển xí nghiệp hương trấn ở Trung Quốc*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- [2]. Mai Thế Hồn - Hoàng Ngọc Hòa - Vũ Văn Phúc (2003), *Phát triển làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Frant Ellits (2000), *Chính sách nông nghiệp ở các nước đang phát triển*, Nxb. Nông Nghiệp, Hà Nội, 2000.

- [4]. Đào Duy Huân - chủ nhiệm đề tài (2005), *Nghiên cứu đề xuất giải pháp để phát triển làng nghề phi nông nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh*, Đề tài khoa học cấp thành phố, Mã số: CS2005-03, TP.HCM.
- [5]. Ruru Noguchi (2002), *Phát triển khu vực và các ngành nghề thủ công*, Hội thảo khoa học, Hà Nội
- [6]. Takayuki Maruoka (2002), *Về chính sách khôi phục và phát triển nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống*, Hội thảo khoa học, Hà Nội.
- [7]. Anh Tuấn (2012), “Chính sách của Nhật Bản trong phát triển ngành nghề thủ công”, *Tạp chí Công nghiệp*, kỳ 1, tháng 11-2012.
- [8]. Trần Minh Yên (2004), *Làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.